

Bản án số: 33/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26/4/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY B - TỈNH B

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim

2. Ông Kiều Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp An Phước, xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Lê Đình Trọng T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Kinh Gãy, xã P, huyện Mỏ Cày B, tỉnh B.

Luật sư Nguyễn Thị Thu T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

Các đương sự có mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở mai mối, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh Nguyễn Lê Đình Trọng T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã P, huyện Mỏ Cày B, tỉnh B vào ngày 20/8/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Giữa chị và anh T có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, tiền anh T chi xài thế nào chị không quản lý được, chị và anh T đều sử dụng tiền riêng, vợ chồng không có sự chia sẻ. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T vì chị nhận thấy anh chị không thể cùng sống chung với nhau được nữa.

Khi ly hôn chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Huỳnh P, sinh ngày 10/01/2018. Hiện nay cháu Phúc đang sống cùng anh T và gia đình bên nội của cháu. Trước đây, khi làm đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay thu nhập của chị là 8.000.000 đồng/tháng, hoàn toàn đủ khả năng nuôi cháu Phúc một mình. Nếu chị được quyền nuôi con chị sẽ cho cháu về sống bên gia đình nhà ngoại ở xã A, huyện M sinh sống. Sáng chị đi làm, chiều sẽ về chăm sóc con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 07/12/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Lê Đình Trọng T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị L về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cũng có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, tiền bạc. Từ trước đến giờ anh và chị L không xài tiền chung, thu nhập của ai người đó sử dụng. Khoảng đầu năm 2019 thì chị L đi làm ở khu công nghiệp Giao Long và thuê nhà trọ ở bên đó làm, cuối tuần mới về nhà thăm con. Cuộc sống vợ chồng của anh đã không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý. Khi ly hôn anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Lê Huỳnh P, sinh ngày 10/01/2018. Hiện nay cháu Phúc đang sống cùng anh và gia đình bên nội của cháu. Từ nhỏ đến giờ cháu đều sống bên gia đình anh, do một mình anh chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi sinh con chị L vẫn đi làm ở Bến Tre cuối tuần mới có về nhà ở với con được một ngày. Thu nhập hiện nay của anh khoảng 70.000.000 – 80.000.000 đồng/năm và anh còn có

thêm thu nhập từ những công việc thời vụ trong năm. Anh có đủ khả năng nuôi cháu Phúc nên yêu cầu Tòa án cho anh được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T trình bày: Về hôn nhân chị L và anh T có tổ chức đám cưới và tiến hành đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở nhà anh T, sống hạnh phúc và có một con chung sinh năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tình cảm không hợp, không có quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân gần 04 năm nay, cả anh T và chị L đều thống nhất yêu cầu giải quyết cho ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T ly hôn với chị L. Về con chung, đã có biên bản xác minh của bà Thẩm cho rằng chị L đi làm cuối tuần mới có về với con; còn anh T làm vườn, công việc sẽ có nhiều thời gian gần gũi với con và chăm sóc con nhiều hơn. Do đó để con chung sống với anh T là phù hợp nhất, từ trước đến nay cháu Phúc sống cùng gia đình anh T, trong thời gian vợ chồng ly thân cháu vẫn ở với anh T và phát triển tốt, thu nhập anh T trên 12 triệu đồng/tháng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại Biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn đối với bà Huỳnh Thị Thắm – mẹ ruột chị L có nội dung như sau:

Chị L và anh T tự quen biết tiến đến hôn nhân vào năm 2015. Sau khi kết hôn thì anh chị sống ở nhà anh T. Trong quá trình chung sống anh chị không có sự chia sẻ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc L và anh Nguyễn Lê Đình Trọng T; Về nuôi con chung: anh T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Huỳnh P, sinh ngày 10/01/2018, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Nguyễn Lê Đình Trọng T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống, có mặt tại xã P, huyện Mỏ Cày B nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày B, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Huỳnh Thị Ngọc L và anh Nguyễn Lê Đình Trọng T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị L trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống về kinh tế, anh T và chị không có sự chia sẻ với nhau. Về nguyên nhân mất hạnh phúc theo anh T trình bày là do chị L có nhiều mâu thuẫn tế nhị trong cuộc sống hàng ngày với gia đình bên chồng không thể nào giải quyết được mâu thuẫn đó.

Cả chị L và anh T đều trình bày thống nhất thời gian vợ chồng sống ly thân là từ đầu năm 2020 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm đến nhau, chị L dù có về nhà thăm con thì anh chị cũng không nói chuyện với nhau. Tại phiên tòa, anh T và chị L đều kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là phù hợp.

[2] *Về nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống anh chị có một con chung tên Nguyễn Lê Huỳnh P, sinh ngày 10/01/2018. Tại phiên tòa, chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và cả hai anh chị đều chứng minh được khả năng kinh tế để nuôi cháu Phúc là như nhau. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Phúc đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay, cháu phát triển khỏe mạnh, toàn diện. Đồng thời, trưởng ấp Kinh Gãy nơi anh T sinh sống cũng có xác nhận về việc cháu Phúc đang sống với anh T và tại phiên tòa chị L cũng thừa nhận điều này. Hiện nay thu nhập của anh T là khoảng 80.000.000 đồng/năm, ngoài ra còn có thêm các nguồn thu nhập khác từ việc làm nhân viên lắp ráp máy móc thời vụ cho công ty sản xuất giấy dếp ở Thành phố Hồ Chí Minh lương khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Do đó, để đảm bảo việc phát triển ổn định và tránh làm xáo trộn cuộc sống hàng ngày của cháu Phúc, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Phúc cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh T không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh T không có nợ ai nên không đề cập.

[6] Về án phí:

Về án phí hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày B là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc L và anh Nguyễn Lê Đình Trọng T.

Chị Huỳnh Thị Ngọc L và anh Nguyễn Lê Đình Trọng T được ly hôn với nhau.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Lê Đình Trọng T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Huỳnh P, sinh ngày 10/01/2018. Chị Huỳnh Thị Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản và nợ chung*: không có.

4. *Về án phí*:

Chị Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000627 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày B.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKS nhân dân huyện Mô Cày B;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày B;
- UBND xã P (số 45, ngày 20/8/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh